

Bản án số: 12/2022/LĐ-ST
Ngày 17 tháng 8 năm 2022
V/v tranh chấp về đòi tiền lương
và bảo hiểm xã hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Mai.
2. Bà Lê Thị Chí.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thu Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Duy Bảo Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 8/2020/LĐ-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2022/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2022/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 229/2022/QĐST-LĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị H., sinh năm 1973 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số A đường B, Phường C, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:
Bà Phạm Thị Ngọc Th., sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số E đường HB, Phường E, Quận F, Tp. Hồ Chí Minh.
(Theo Văn bản ủy quyền số 008263 ngày 21/3/2022).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH BD (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số G đường QT, Phường D, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:
Ông Phan Quang Chiến T., sinh năm 1977 (Vắng mặt).
Địa chỉ: số J đường THT, Phường E, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 12/3/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội quận GV, Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số L đường PVD, Phường K, quận GV, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Quốc T2(Có đơn xin vắng mặt).

Theo văn bản ủy quyền số 208/GUQ-BHXXH ngày 05/5/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2018 của nguyên đơn bà Bùi Thị H. và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Phạm Thị Ngọc Th. trình bày:

Ngày 01/8/2013 bà Bùi Thị H. có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH BD (viết tắt là Công ty BD). Theo hợp đồng, bà H. được phân công là giám đốc chi nhánh của Công ty BD tại Lâm Đồng với trách nhiệm tổ chức, điều hành và quản lý hoạt động của chi nhánh. Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01/8/2013 đến ngày 01/8/2014, mức lương chính là 3.500.000 đồng/tháng và phụ cấp 1.000.000 đồng/tháng.

Trong quá trình làm việc tại chi nhánh, ông Vũ Thế H2-Giám đốc của Công ty BD không thanh toán tiền lương cho bà H. từ tháng 4/2014. Khi hết hợp đồng lao động, ông H2 vẫn tiếp tục đề nghị bà H. là việc tại chi nhánh cho đến tháng 12/2018, tổng cộng 57 tháng. Tất cả các chứng từ, sổ sách kể từ khi bà H. không còn làm việc cho Công ty BD bà H. đã giao lại toàn bộ cho Công ty.

Tuy nhiên, từ tháng 4/2014 đến nay, Công ty BD không thanh toán tiền lương cho bà H. cũng như không đăng ký tham gia, chi trả các khoản tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho bà H..

Nay bà Bùi Thị H. yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty BD phải thanh toán cho bà số tiền 397.531.346 đồng gồm:

-Tiền lương từ ngày 01/4/2014 đến ngày 03/12/2018 (56 tháng 03 ngày) là $4.500.000 \text{ đồng} \times 56 \text{ tháng} + 3 \times (4.500.000/26) = 252.519.230 \text{ đồng}$.

-Tiền lương trong những ngày chưa nghỉ hằng năm (56 ngày): $4.500.000/26 \times 56 = 9.692.308 \text{ đồng}$.

-Tiền lãi chậm chi trả tiền lương từ ngày 16/5/2014 tạm tính đến ngày 16/8/2022 (99 tháng): $99 \times (252.519.230 + 9.692.308) \times (4,0\%/12) = 86.529.808 \text{ đồng}$.

-Tiền trích đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 08/2013 đến tháng 11/2018: $(3.500.000 \times 21\% \times 5) + (3.500.000 \times 22\% \times 41) + (3.500.000 \times 21,5\% \times 18) = 48.790.000 \text{ đồng}$.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn có yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền lương từ 04/2014 đến 12/2018 nhưng tại các phiên họp tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ sau này, nguyên đơn lại yêu cầu tính lương từ 01/10/2013 đến 03/12/2018. Sau đó, nguyên đơn đã xác định lại thời gian yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền lương là từ 01/04/2014 đến ngày 03/12/2018.

Đồng thời người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa.

Tại bản tự khai và biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ hòa giải ngày 25/7/2019 ông Phan Quang Chiến T. là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công ty TNHH BD trình bày:

Công ty TNHH BD xác nhận bà H. có làm việc (Công việc và chức vụ) cho Công ty TNHH BD theo Hợp số 13001/HĐLĐ-BĐ ngày 01/8/2013 đến ngày 03/12/2018, Công ty TNHH BD xác nhận chưa thanh toán tiền lương, tiền các chế độ, chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà H. trong thời gian làm việc từ tháng 8/2013 đến tháng 11/2018, Công ty TNHH BD đồng ý thanh toán tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, tiền chế độ của bà H. theo Hợp đồng đã ký và theo qui định của pháp luật với điều kiện bà H. phải cung cấp cho Công ty TNHH BD báo cáo các hoạt động của Chi nhánh Công ty TNHH BD (nơi bà H. làm Giám đốc Chi nhánh) để Công ty có căn cứ yêu cầu bà H. hoàn trả lại cho Công ty số tiền mà bà đã trực tiếp thu lợi từ các hợp đồng liên kết cho sử dụng đất của Công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Công ty TNHH BD vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/5/2022 cũng như vắng mặt tại các phiên tòa xét xử không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp do ông Phạm Quốc T2 là đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty TNHH BD chưa trích nộp quỹ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho bà Bùi Thị H.. Để bảo vệ quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty, Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty TNHH BD có trách nhiệm nộp số tiền còn nợ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho bà Bùi Thị H..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: Đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định

đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa và tổng đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do bà Bùi Thị H. có làm việc tại Công ty TNHH BD theo Hợp đồng lao động từ ngày 01/8/2013 đến ngày 03/12/2018 và chưa được thanh toán tiền lương, tiền lương trong những ngày chưa nghỉ hằng năm, chưa đóng bảo hiểm xã hội, chậm trả lương cho bà Bùi Thị H.. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty BD đã thừa nhận nội dung nêu trên và chỉ đồng ý thanh toán trong trường hợp bà H. cung cấp cho Công ty TNHH BD báo cáo các hoạt động của Chi nhánh Công ty TNHH BD (nơi bà H. làm Giám đốc Chi nhánh) để Công ty có căn cứ yêu cầu bà H. hoàn trả lại cho Công ty số tiền mà bà đã trực tiếp thu lợi từ các hợp đồng liên kết cho sử dụng đất của Công ty. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đối với ý kiến của bị đơn nếu có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Bùi Thị H. khởi kiện tranh chấp về tranh chấp về đòi tiền lương và bảo hiểm xã hội đối với Công ty TNHH BD; địa chỉ: Số đường QT, Phường D, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp về đòi tiền lương và bảo hiểm xã hội, bị đơn có địa chỉ tại quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 32; điểm c, khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về điều kiện khởi kiện : Căn cứ biên bản hòa giải cơ sở ngày 14/5/2019 và ngày 16/5/2019, nguyên đơn đủ điều kiện nộp đơn khởi kiện và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 32 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 201; Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Công ty TNHH BD và người đại diện hợp pháp đã được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa theo khoản 1, khoản 2, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng Công ty TNHH BD và người đại diện hợp pháp vắng mặt không lý do. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có

đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại các Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự của vụ án.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1]. Đối với yêu cầu về tiền lương:

Căn cứ Hợp đồng lao động số 13001/HĐLD-BĐ ngày 01/8/2013 và Quyết định bãi nhiệm Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH BD số 01/QĐ-BĐ/2018 ngày 03/12/2018 của Công ty TNHH BD đối với bà Bùi Thị H. có đủ căn cứ xác định nguyên đơn và bị đơn có giao kết bằng việc ký kết hợp đồng lao động từ tháng 8/2013 đến tháng 11/2018 với mức lương của bà H. là 4.500.000 đồng, gồm: 3.500.000 đồng lương chính, phụ cấp trách nhiệm 500.000 đồng và phụ cấp xăng xe 500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Quang Chiến T. là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH BD cũng xác nhận chưa thanh toán tiền lương cho bà Bùi Thị H. trong thời gian bà H. làm việc tại Công ty BD. Bà Bùi Thị H. yêu cầu buộc Công ty TNHH BD thanh toán cho bà tiền lương từ 01/4/2014 đến ngày 03/12/2018 (56 tháng 03 ngày) là $4.500.000 \text{ đồng} \times 56 \text{ tháng} + 3 \times (4.500.000/26) = 252.519.230 \text{ đồng}$. Nhận thấy, Công ty TNHH BD đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lương cho người lao động được quy định tại khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng lao động đã ký, quy định tại Điều 90, Điều 96 của Bộ luật lao động năm 2012. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[4.2]. Đối với yêu cầu về tiền lương trong những ngày chưa nghỉ hằng năm: $4.500.000/26 \times 56 = 9.692.308 \text{ đồng}$. Căn cứ khoản 1, Điều 3 của Hợp đồng lao động số 13001/HĐLD-BĐ ngày 01/08/2013 các bên đã thỏa thuận một năm nguyên đơn có 12 ngày phép, tính từ tháng 3/2013 đến tháng 3/2018 số ngày nghỉ hằng năm là 60 ngày. Do nguyên đơn chưa nghỉ hết số ngày như đã thỏa thuận và yêu cầu tính 56 ngày là có lợi cho bị đơn nên theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ và quy định tại Điều 111; Điều 112; Điều 114 của Bộ luật lao động năm 2012 yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

[4.3]. Đối với yêu cầu về tiền lãi chậm chi trả tiền lương: Từ ngày 16/5/2014 tạm tính đến ngày 16/8/2022 (99 tháng): $99 \times (252.519.230 + 9.692.308) \times (4,0\%/12) = 86.529.808 \text{ đồng}$. Do bị đơn đơn vị phạm nghĩa vụ trả lương theo thỏa thuận và theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ và Điều 96 của Bộ luật lao động năm 2012 thì yêu cầu tính lãi đối khoản tiền lương chậm trả là có cơ sở chấp nhận, đối với yêu cầu tính lãi trên khoản tiền nghỉ hằng năm, căn cứ theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự yêu cầu tính lãi của nguyên đơn 4,0%/năm là có lợi cho bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4.4]. Đối với yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội: Căn cứ các Điều 17, Điều 18, Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 bị đơn phải có trách nhiệm đóng bảo

hiểm xã hội đầy đủ cho người lao động. Bảo hiểm quận Gò Vấp xác nhận Công ty TNHH BD chưa trích nộp quỹ bảo hiểm xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy, buộc Công ty TNHH BD phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội cho bà Bùi Thị H. thời gian từ tháng 08/2013 đến tháng 11/2018 là phù hợp với thỏa thuận tại khoản 1, Điều 3 của Hợp đồng lao động số 13001/HĐLD-BĐ ngày 01/08/2013 và phù hợp quy định tại Điều 186 của Bộ luật lao động năm 2012, phù hợp quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

[5]. Đối với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH BD ông Phan Quang Chiến T.: Chỉ đồng ý thanh toán tiền lương và các chế độ cho bà H. khi bà H. cung cấp các báo cáo hoạt động của Chi nhánh Công ty TNHH BD (nơi bà H. làm giám đốc chi nhánh) để Công ty có căn cứ yêu cầu bà H. hoàn trả lại cho Công ty số tiền mà bà đã trực tiếp thu lợi từ các hợp đồng liên kết cho sử dụng đất của Công ty. Do quá trình giải quyết Công ty TNHH BD không có đơn yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ xem xét giải quyết trong vụ án này, giành quyền khởi kiện cho Công ty TNHH BD bằng vụ kiện khác nếu Công ty có yêu cầu.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán là $252.519.230 + 9.692.308 + 86.529.808 = 348.741.346$ đồng $\times 3\% = 10.462.241$ đồng và án phí không có giá ngạch đối với khoản tiền phải đóng bảo hiểm xã hội là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 90; Điều 96; Điều 114; Điều 186; Điều 201; Điều 202 của Bộ luật Lao động năm 2012;

-Căn cứ Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động.

-Căn cứ các Điều 17; Điều 19; Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội;

-Căn cứ các Điều 32; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

-Căn cứ Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H..

Buộc Công ty TNHH BD có trách nhiệm thanh toán cho bà Bùi Thị H. số tiền lương, tiền lương trong những ngày chưa nghỉ hằng năm, tiền lãi chậm trả lương tổng cộng là 348.741.346 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc Công ty TNHH BD phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà Bùi Thị H. thời gian từ tháng 08/2013 đến tháng 11/2018 với trên mức lương 4.500.000 đồng.

Sau khi Công ty TNHH BD đóng tiền tại Cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp bà Bùi Thị H. được quyền liên hệ với Cơ quan Bảo hiểm xã hội quận Gò Vấp để xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nếu Công ty TNHH BD chưa thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm nêu trên thì ngoài số tiền chưa đóng Công ty TNHH BD còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội tại thời điểm đóng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH BD chịu án phí 10.762.241 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Đức

